

# Con Đường Chánh Pháp

## 1. Dẫn nhập

Con đường chánh pháp là chỉ cho những giáo pháp của bậc Giác Ngộ, con đường này có tác dụng giúp cho hành giả chuyển hóa khổ đau, chứng nhập giải thoát, nên cũng được mệnh danh con đường thanh lương, con đường hướng thượng... Con đường này cũng chính là con đường mà các bậc giác ngộ đã đi qua, đang đi qua và sẽ đi qua, cũng từ con đường tu tập này chư Phật đã thành tựu đạo nghiệp, và lấy đây làm hành trang hóa độ chúng sanh. Như trong “Kinh A Hàm” đã ghi lại: “Chư Phật thời quá khứ, và chư Phật vị lai; Phật, Thế Tôn hiện tại, hay trừ chúng sanh ưu; Hết thầy cung kính pháp, nương Chánh pháp mà sống. Sự cung kính như vậy. Đó là pháp chư Phật”.<sup>i</sup> Với ý nghĩa cao thượng như vậy, chúng ta phải hiểu thế nào mới đúng với nội hàm của chánh pháp? Là một hành giả tu Phật, học pháp hiểu pháp và chứng đạt pháp thế nào mới khế nhập vào đạo lộ giải thoát? Để giải nghi cho những vấn đề trên, chúng ta thử đi vào hải tạng Phật pháp, để liễu tri và giải ngộ.

## 2. Định nghĩa chánh pháp

Như trên đã nói, chánh pháp là con đường hướng hành giả đi vào đạo lộ giải thoát, vậy chánh pháp mang ý nghĩa thế nào? Chánh Pháp cũng gọi là thắng pháp, pháp bảo, diệu pháp, vi diệu pháp, thắng diệu pháp, vi diệu chánh pháp... định nghĩa về chánh Pháp, kinh văn và luận tạng đã giải thích như sau: “Kinh Tạp A Hàm”, Thế Tôn đã dạy bảo ngài A Nan : “Này A-nan, những gì là xe Chánh pháp luật, xe cõi trời, xe Bà-la-môn, cỗ xe lớn, có khả năng điều phục quân ma phiền não? Đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến... cho đến chánh định. A-nan, đó gọi là xe Chánh pháp luật, xe cõi trời, xe Bà-la-môn, cỗ xe lớn, có khả năng điều phục quân phiền não.”<sup>ii</sup> Như vậy, ở đây chúng ta thấy chánh pháp là chỉ cho Bát chánh đạo, với những ai biết tu tập pháp này, thì có thể đoạn tận được phiền não khổ đau. Cũng trong “Tạp A Hàm”, kinh số 1060, khi giải thích về chánh pháp và phi pháp, Thế Tôn đã nêu lên thập thiện nghiệp tức không sát sanh, không trộm cướp... cho đến chánh kiến, được gọi là chánh pháp, nếu ngược lại thì gọi là tà pháp.<sup>iii</sup> Tiếp nối và kế thừa Phật học thời kỳ A hàm, các vị luận sư của Bộ phái đã có những lý giải, “Thế nào là chánh pháp? Ái đoạn tận, ly diệt, cứu cánh Niết Bàn.”<sup>iv</sup>, ở đây, Niết Bàn được xem như là trạng thái của chánh pháp. Tương đồng trong “A Tỳ-Đạt-Ma Tập Dị Môn túc luận”, luận sư giải thích rõ ràng, ở đây xin tóm lược đại ý, “Chánh Pháp” nghĩa là phương pháp giúp cho hành giả tu tập tăng trưởng thiện pháp, khai mở những nơi chưa được khai mở, hiển thị những nơi chưa được hiển thị, nơi ấy chính là Niết Bàn tịch tĩnh.”<sup>v</sup>

Như vậy, chánh pháp là những pháp môn tu tập, như Tứ Đế, Thập nhị nhân duyên, Bát chánh đạo, Thập thiện nghiệp đạo... những phương pháp này, giúp cho hành giả nhận chân được thật tánh của vạn pháp, từ đó tinh tấn tu tập, dẫn vào con đường an lạc.

### 3. Tính chất đặc thù của chánh pháp

Chánh pháp được xem như chiếc bè để đưa hành giả vào đạo lộ giải thoát, cho nên chánh pháp có những đặc tính riêng của nó. Các tính chất đặc thù của chánh pháp được ghi lại qua kinh văn Tạp A hàm như sau:

**Tạp A Hàm. Kinh số 215:** “Thế Tôn nói pháp hiện thấy, nói dập tắt sự rực cháy, nói không đợi thời, nói hướng đạo chân chánh, nói chính nơi đây mà thấy, nói duyên tự tâm mà giác ngộ.”<sup>vi</sup>

**Kinh số 550:** “Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm tưởng Chánh pháp, niệm: Pháp luật hiện tại của Thế Tôn, lia mọi nhiệt não, phi thời gian, thông suốt, thấy ngay trong hiện tại, duyên tự mình mà giác ngộ. Lúc Thánh đệ tử niệm Chánh pháp, không khởi giác tưởng tham dục, giác tưởng sân nhuế, não hại. Như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lia tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiên giả, nói nhất thừa đạo thứ hai ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lia khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.”<sup>vii</sup>

**Kinh số 554:** “Nên niệm công đức Pháp: Đối với Chánh pháp luật của Thế Tôn, ngay trong đời này, xa lia các phiền não bức rức, pháp được thông đạt, phi thời gian, duyên tự mình mà giác ngộ.”<sup>viii</sup>

**Kinh số 563:** “Thánh đệ tử sống an trụ trong tịnh giới, thọ trì Ba-la-đề-mộc-xoa, oai nghi đầy đủ, tín nơi các tội lỗi mà sanh ý tưởng sợ hãi. Giữ gìn tịnh giới đầy đủ như vậy; nghiệp cũ dần dần trút sạch, ngay trong hiện tại được lia nhiệt não, không đợi thời tiết, chứng đắc Chánh pháp, quán sát thông đạt bằng sự hiện thấy, tự giác ngộ bằng trí tuệ.”<sup>ix</sup>

**Kinh số 848:** “Lại nữa, Tỳ-kheo Thánh đệ tử niệm tưởng Pháp sự như vậy: Chánh pháp luật được Như Lai tuyên thuyết, ngay đời hiện tại xa lia mọi thứ thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông đạt Niết-bàn, tự thân quán sát, duyên nơi tự mình mà giác tri.”<sup>x</sup>

**Kinh số 912:** “Đối trong hiện tại xa lia nhiệt não bức bách, không cần đợi thời tiết, gần gũi Niết-bàn, mà ngay trong thân này thể duyên tự mình mà giác tri.”<sup>xi</sup>

**Kinh số 931:** “Lại nữa, đối với Pháp sự, Thánh đệ tử niệm tưởng: Pháp luật của Thế Tôn, ngay trong đời này-có thể lia nhiệt não sanh tử, không đợi thời tiết, thông đạt hiện pháp, duyên tự mình mà giác tri. Thánh đệ tử niệm pháp như vậy, không khởi tham

dục, sân nhuế, ngu si... cho đến ý nhớ nghĩ pháp được huân tập, thăng tiến Niết-bàn.”<sup>xiii</sup> **Kinh số 1078:** “Nhu Thế Tôn nói, dục là phi thời, vị ngọt ít mà khổ nhiều; ít lợi nhiều nạn. Tôi nay trong các pháp hiện thực đã lia sự thiêu đốt, chẳng đợi thời tiết, hay tự thông đạt, hiện tiền quán sát, duyên tự tâm mà tri giác. Nay Thiên tử, như thế gọi là xả bỏ cái lạc phi thời, được niềm lạc hiện tiền.”<sup>xiii</sup> **Kinh số 1136:** “Nếu lại có Tỳ-kheo nào thuyết pháp cho người, khởi nghĩ như vậy: ‘Chánh pháp luật được Thế Tôn hiển hiện, lia các nhiệt não, không đợi thời tiết, ngay nơi hiện thân này, duyên nơi tự tâm mà giác tri, hướng thẳng Niết-bàn. Nhưng chúng sanh thì đắm chìm vào già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Những chúng sanh như vậy nếu nghe được Chánh pháp, nhờ nghĩa lợi thì mãi mãi sẽ được an lạc. Nhờ nhân duyên Chánh pháp này, bằng tâm từ, tâm bi, tâm thương xót và tâm muốn Chánh pháp được trụ thế lâu dài mà thuyết cho người’. Đó gọi là thuyết pháp thanh tịnh.”<sup>xiv</sup> **Kinh số 1238:** “Phật bảo vua Ba-tư-nặc: Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Chánh pháp của Thế Tôn, là pháp hiện tiền, xa lia sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt đến nơi, được thấy ngay trong hiện tại, bằng tự giác mà chúng biết pháp này, là thiện tri thức, thiện bạn đồng, chẳng phải ác tri thức, ác bạn đồng.’ Vì sao? Ta là thiện tri thức, đối với chúng sanh có pháp sanh được giải thoát khỏi sanh; chúng sanh có pháp già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, đều giải thoát khỏi tất cả.”<sup>xv</sup>

Từ những dẫn chứng của kinh văn ở trên, chúng ta có thể biết rằng giáo pháp của đạo Phật, là pháp của bậc giác ngộ tuyên thuyết, để dạy dỗ và sách tấn cho hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia. Giáo pháp ấy có tác dụng giúp hành giả tu tập, thấy được phiền não, dập tắt phiền não và đoạn tận phiền não, ở bất cứ mọi lúc mọi nơi. Giáo pháp này cũng không bị sự chi phối của không gian và thời gian, tức là dù thời gian, không gian có thay đổi, giáo pháp này vẫn như thật nhất như. Giáo pháp này là pháp để chứng thật, chứ không phải hư ảo, là pháp hành đưa những ai hành pháp đi về con đường giác ngộ, mà quả vị giác ngộ không ở đâu xa, mà chính ngay trong thời khắc hiện tại của cuộc sống này. Và trên con đường đi đến quả vị giác ngộ, chính mình là chủ nhân ông trên lộ trình đầy hương vị giải thoát này.

Ngoài ra, trong tác phẩm “Thành Phật Chi Đạo” Hòa Thượng Ấn Thuận, một tu sĩ học giả nổi tiếng của Đài Loan trong thời cận đại đã luận giả về chánh pháp đáng để chúng ta suy ngẫm. Tác giả đã nói rằng “Niết bàn là nơi quy hướng của thánh giả và các vị hành giả học Phật. Do trình độ chứng ngộ không đồng, nên có sai biệt của Hữu Dư Niết Bàn, Vô Dư Niết Bàn và Đại Bát Niết Bàn. Thật ra, Niết Bàn chính là chánh pháp. Chánh pháp là cảnh giới tự chứng, vi diệu không thể nghĩ bàn, cho nên nó giống như người uống nước, lạnh nóng tự biết. Nay y cứ vào kinh luận, nói

tóm lược đặc tính của chánh pháp. Thứ nhất, Chánh pháp là thiện, đây là tuyệt đối hoàn thiện của thẳng nghĩa. Thứ hai, chánh pháp là tịnh, bởi chánh pháp không phải là phiền não, nên nhiễm ô không có thể làm ô nhiễm, cũng không phải do phiền não sở duyên làm sinh khởi. Thứ ba, chánh pháp là thường, tức là vượt qua không gian và thời gian, bất sanh bất diệt, các pháp vốn như vậy. Thứ tư, chánh pháp là an lạc, tức không còn sanh già bệnh chết, ưu bi khổ não, không còn bị khổ đau trói buộc. Nói chung, chánh pháp là bất khả tư nghị, công đức cũng không thể nghĩ bàn. Nếu nói theo cảnh giới của trí tuệ, gọi là chánh pháp. Còn nếu nói từ nơi trí tuệ chứng nhập chánh pháp mà được tự do thì đây là Niết Bàn. Cho nên chánh pháp là Niết Bàn, chỉ cần y vào con đường “Cổ tiên nhơn đạo” – con đường các bậc giác ngộ đã đi, thì có thể chứng nhập Niết bàn giải thoát.”<sup>xvi</sup>

#### **4. Nguyên nhân suy thịnh của chánh pháp**

Như trên đã luận bàn, chúng ta biết được tính đặc thù của chánh pháp, nên chúng ta là hành giả muốn chứng được an lạc giải thoát, thì phải có trách nhiệm thực hành và bảo vệ chánh pháp. Trong “Biệt Dịch Tập A Hàm” Thế tôn đã chỉ rõ cho tôn giả Ca Diếp, có năm nguyên nhân làm diệt vong chánh pháp. Thứ nhất, sống không tôn trọng, không vâng lời bậc Đạo sư; thứ hai, sống không tôn trọng, không vâng lời Pháp; thứ ba, sống không tôn trọng, không vâng lời giáo thọ sư; thứ tư, sống không tôn trọng, không vâng lời học pháp; thứ năm, sống không tôn trọng, không vâng lời lẫn nhau. Nếu hành giả nào thực hành với năm điều trên thì làm cho chánh pháp suy vong.<sup>xvii</sup> Cũng đưa ra năm nguyên nhân khiến cho chánh pháp không thể hưng thịnh, “Kinh Tượng Pháp” đã ghi chép rằng. Thế nào là năm? Thứ nhất, các Tỳ kheo, Tỳ kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống không kính trọng, tùy thuận bậc Đạo Sư; thứ hai, sống không kính trọng, tùy thuận Chánh pháp; thứ ba, sống không kính trọng, tùy thuận chúng Tăng; thứ tư, sống không kính trọng, tùy thuận học giới; thứ năm, sống không kính trọng tùy thuận Thiên định. So sánh hai bản kinh chúng ta thấy có sự khác biệt ở điều thứ năm. Như vậy, ở chỗ này chúng ta không khó để hiểu rằng, giáo pháp suy vong khi hành giả không biết kính trọng Tam Bảo, không biết kính trọng thiên định, không biết kính trọng học giới và không biết kính trọng các bạn đồng thực hành pháp. Trái lại, nếu biết kính trọng Tam Bảo, kính trọng thiên định, kính trọng học giới, kính trọng bạn đồng hành pháp thì chánh pháp sẽ được hưng thịnh.

Ngoài ra, khi luận bàn về vấn đề hưng suy của giáo pháp, Thế Tôn đã khẳng định rằng, giáo pháp của ngài không bị vật dụng bên ngoài phá vỡ, như đất, nước, gió, lửa... mà là do chính hành giả không tu học, không có tuệ giác, không phân biệt được chánh pháp, tà pháp như kinh đã dạy:

“Thí như trong biển cả, nếu thuyền chở nhiều trân bảo, chắc sẽ nhanh chóng bị đắm chìm. Chánh pháp Như Lai không như vậy, mà sẽ bị tiêu diệt từ từ. Chánh pháp của Như Lai không bị đất làm hoại, không bị nước, lửa, gió làm hoại đi. Cho đến lúc chúng sanh ác xuất hiện ở thế gian, thích làm các điều ác, muốn làm các điều ác, thành tựu các điều ác; phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật; bằng pháp tương tự mà cú vị thịnh hành. Bấy giờ Chánh pháp Như Lai mới chìm mất”. Qua đây, chúng ta thấy rõ rằng, chánh pháp chỉ tiêu diệt khi chúng sanh làm những điều phi pháp, tạo chủng chủng bất thiện pháp, khiến cho chánh pháp suy vong. Tương đồng vấn đề này, các luận sư của bộ phái Phật giáo đã có những kiến giải riêng. Trong “Câu Xá Luận”, quyển 29 luận chủ đã giải thích, chánh pháp của Thế Tôn có hai: một là giáo, hai là chứng. “Giáo” tức là khế kinh; “chứng” nghĩa là tam thừa bồ đề phân pháp. Đối với hai loại pháp này, nếu có hành giả thọ trì, giảng thuyết và y giáo phụng hành, thì chánh pháp sẽ cứu trụ tại thế gian.<sup>xviii</sup> Chúng ta thấy sự suy vong hay hưng thịnh của chánh pháp được dựa trên nền tảng của hành giả học pháp và chứng đạt pháp mà luận định. Nội dung tư tưởng này, cũng được các vị luận sư của “Đại Tỳ Bà Sa Luận” thích giải rằng, có hai loại chánh pháp: thứ nhất, thế tục chánh pháp; thứ hai, thắng nghĩa chánh pháp. Trong đó thế tục chánh pháp là danh, cú, văn thân tức là kinh, luật và luận. Thắng nghĩa chánh pháp là thánh đạo, tức là vô lậu căn, lực, giác tri và đạo tri. Và người thực hành pháp cũng có hai loại: Thứ nhất, trì giáo pháp; thứ hai, trì chứng pháp. Trong đó “trì giáo pháp” tức là đọc tụng, giảng thuyết kinh, luật, luận. “Trì chứng pháp” tức là tu chứng vô lậu thánh đạo. Nếu hành giả nào đối với việc thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, thực hành liên tục như vậy, thì sẽ làm cho thế tục chánh pháp cứu trụ. Nếu hành giả nào thực hành, chứng đạt giáo pháp, không để cho gián đoạn, thì sẽ làm cho thắng nghĩa chánh pháp cứu trụ. Nếu như không có sự thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết và chứng ngộ thì chánh pháp sẽ đoạn tận. Cho nên luận chủ khẳng định rằng, giáo pháp không phải dựa vào tường cột mà trụ, mà dựa vào sự thực hành của hành giả mà cứu trụ.<sup>xix</sup>

Như vậy, qua sự phân tích trên, chúng ta có quyền luận định rằng, sự hưng thịnh và suy vong của chánh pháp, không phải do các yếu tố bên ngoài phá hoại như đất, nước, gió, lửa ... mà do chính những người thực hành pháp, nếu hành giả học pháp, thực hành pháp, chứng đạt pháp, thì kiến cho chánh pháp cứu trụ, ngược lại chánh pháp sẽ suy vong bởi những hành giả không hiểu biết, không chịu tư suy học pháp và chứng đạt giáo pháp.

## 5. Kết luận

Con đường chánh pháp là con đường đưa hành giả học pháp, hiểu pháp và thực hành pháp tiến thẳng về đạo lộ giải thoát, con đường này cũng chính là con đường của các bậc giác ngộ đã đi, đang đi và sẽ đi. Con đường này chỉ dành cho những ai biết tu hành chuyển hóa khổ đau, đoạn tận phiền não chứng đắc Niết Bàn. Và con đường này hiện hữu trong lúc này và hiện tại nơi đây.

Con đường chánh pháp là con đường mà Thế Tôn đã đi qua bằng sự trải nghiệm của tự thân. Trên con đường này, Ngài đã chứng ngộ giải thoát, nên bậc Đạo Sư cũng mong muốn những học trò của mình hãy tiếp nối và phát triển con đường giáo pháp này, qua lời dạy đầy tha thiết: “Này các Tỳ kheo, hãy là người thừa tự Pháp của Ta, đừng là những người thừa tự tài vật. Ta có lòng thương tưởng các Ngươi và Ta nghĩ: Làm sao những đệ tử của Ta là những người thừa tự Pháp của Ta, không phải là những người thừa tự tài vật. Và này các Tỳ kheo, nếu các ngươi là những người thừa tự tài vật của Ta, không phải là những người thừa tự Pháp, thì không những các Ngươi trở thành những người mà người ta nói: Cả thầy và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự Pháp, mà cả Ta cũng trở thành người mà người ta nói: Cả thầy và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự Pháp.”<sup>xx</sup>

Con đường chánh pháp là con đường độc nhất đưa đến giải thoát, con đường ấy chính là chỗ dựa vững chãi nhất trong cuộc đời này, qua lời xác quyết của Thế Tôn: “Hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một điều gì (ai) khác. Dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa...”<sup>xxi</sup>

Con đường chánh pháp chỉ có giá trị miên viễn khi mỗi hành giả phải tự thân học hỏi, suy tư, quán chiếu, và chứng đạt giáo pháp này. Đây cũng chính là yếu tố làm cho chánh pháp cửu trụ và xương minh.

---

<sup>i</sup> “Kinh Tạp A Hàm”, Quyển 44, kinh 1188, Đại chánh tạng 2, trang 321.

<sup>ii</sup> “Kinh Tạp A Hàm”, Quyển 28, kinh 769, Đại chánh tạng 2, trang 200.

<sup>iii</sup> “Kinh Tạp A Hàm”, Quyển 37, kinh 1060, Đại chánh tạng 2, trang 275.

<sup>iv</sup> “Tập Dị Môn Túc Luận”, Quyển 12, Phẩm ngũ pháp, Đại chánh tạng 26, trang 417.

<sup>v</sup> “Tập Dị Môn Túc Luận”, Quyển 6, Phẩm tứ pháp, Đại chánh tạng 26, trang 393.

<sup>vi</sup> “Kinh Tạp A Hàm”, Quyển 8, kinh 215, Đại chánh tạng 2, trang 54.

<sup>vii</sup> “Kinh Tạp A Hàm”, Quyển 20, kinh 550, Đại chánh tạng 2, trang 143.

<sup>viii</sup> “Kinh Tạp A Hàm”, Quyển 20, kinh 554, Đại chánh tạng 2, trang 145.

<sup>ix</sup> “Kinh Tạp A Hàm”, Quyển 21, kinh 563, Đại chánh tạng 2, trang 147.

<sup>x</sup> “Kinh Tạp A Hàm”, Quyển 30, kinh 848, Đại chánh tạng 2, trang 216.

- 
- xi “Kinh Tạp A Hàm”, Quyển 32, kinh 912, Đại chánh tạng 2, trang 229.
- xii “Kinh Tạp A Hàm”, Quyển 33, kinh 931, Đại chánh tạng 2, trang 237.
- xiii “Kinh Tạp A Hàm”, Quyển 38, kinh 1078, Đại chánh tạng 2, trang 281.
- xiv “Kinh Tạp A Hàm”, Quyển 41, kinh 1136, Đại chánh tạng 2, trang 300.
- xv “Kinh Tạp A Hàm”, Quyển 46, kinh 1238, Đại chánh tạng 2, trang 339.
- xvi Pháp sư Ấn Thuận “Thành Phật Chi Đạo”, trang 22-23.
- xvii “Kinh Biệt Dịch Tạp A Hàm”, Quyển 6, kinh 121, Đại chánh tạng 2, trang 419.
- xviii “Câu Xá Luận”, Quyển 29, Phẩm phân biệt định, Đại chánh tạng 29, trang 152.
- xix “A Tỳ Bà Sa Luận”, Quyển 183, Đại chánh tạng 27, trang 917.
- xx Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch, “Kinh Trung Bộ” tập 1, Viện NCPHVN ấn hành, 1993, trang 31-32.
- xxi Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch, “Kinh Tương Ưng Bộ” tập 5, Viện NCPHVN ấn hành, 1993, trang 139.